

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 441/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 28/8/2018;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Nam;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hằng;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXX-ST ngày 23/7/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trịnh Hoàng A** – sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Châu Hoàng B** - sinh năm: 1965;

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A và anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Hoàng A trình bày:

Chị và anh Châu Hoàng B chung sống với nhau từ tháng 12/1998, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2005. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2008 thì phát sinh mâu

thuần và đã sống ly thân. Đến năm 2010, chị và anh B đã hàn gắn mối quan hệ vợ chồng vì con. Đến tháng 02/2017, anh B tiếp tục nhắn tin, hẹn hò với người phụ nữ khác và thường xuyên bỏ nhà đi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với anh Châu Hoàng B.

Về con chung: Có một con chung, cháu tên Châu Hoàng C - sinh ngày 06/10/2006. Hiện tại cháu C đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Bị đơn anh Châu Hoàng B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung, xét thấy việc mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt, qua đó cho thấy anh B không muốn hàn gắn tình cảm với chị A. Về con chung, cháu C đang sống ổn định với chị A nên yêu cầu nuôi con chung của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trịnh Hoàng A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu Hoàng B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt và anh B vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại đơn xin ly hôn chị A trình bày chị và anh B chung sống từ năm 1998, cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chị ly thân 02 năm sau đó vì con nên vợ chồng chị đã hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Đến tháng 02/2018, anh B tiếp tục nhắn tin, hẹn hò với người phụ nữ khác và thường xuyên bỏ nhà đi. Hiện tại vợ chồng chị đã sống ly thân. Tòa án đã triệu tập anh B

nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Xét thấy hiện tại cháu Châu Hoàng C đang sống ổn định với chị A. Do đó việc chị A yêu cầu nuôi cháu C là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Hoàng A.

- Về tình cảm: Chị Trịnh Hoàng A được ly hôn với anh Châu Hoàng B.

- Về con chung: Chị Trịnh Hoàng A được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Hoàng C, sinh ngày 06/10/2006. Anh Châu Hoàng B có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Trịnh Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028635 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP.HCM. Như vậy chị A đã thi hành xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Trịnh Hoàng A và anh Châu Hoàng B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy